

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5- 2022
V/v: Không công nhận
quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN N, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Khánh Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Bùi Thị Tinh Yên và ông Phú Trần Anh Vương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận N Tm gia phiên toà: Bà Hồ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận N, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Trần Hoài N, sinh năm: 1973.

Trú tại: thôn Lạc Sơn 2, xã Cà Ná, huyện Thuận N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- Bị đơn: bà Trình Thị T, sinh năm: 1973.

Trú tại: thôn Lạc Sơn 2, xã Cà Ná, huyện Thuận N, tỉnh Ninh Thuận (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11-02-2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Hoài N trình bày:

Ông với bà Trình Thị T tự nguyện tìm hiểu và đi đến chung sống với nhau từ năm 1992, tuy nhiên quá trình chung sống ông và bà T không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hiện giữa ông với bà T đã sống cách ly nhau từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay

ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu được ly hôn bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống ông với bà Trình Thị T có 03 con chung tên Trần Thị Bé Hà, sinh năm 1992, Trần Thị Bé Nhi, sinh năm 1996 và Trần Hữu Đại, sinh năm 1999. Hiện các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: ông với bà Trình Thị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2022, bị đơn bà Trình Thị T trình bày: bà với ông Trần Hoài N chung sống như vợ chồng từ năm 1990 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi sống chung bà và ông N có 03 con chung tên Trần Thị Bé Hà, sinh năm 1992, Trần Thị Bé Nhi, sinh năm 1996 và Trần Hữu Đại, sinh năm 1999, nay các con đã trưởng thành và lao động tự túc được. Bà và ông N đã không còn chung sống với nhau từ 05 năm nay, không ai quan tâm tới ai, nay ông N yêu cầu ly hôn, bà đồng ý vì bà và ông N không còn tình cảm. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Về tài sản chung và nợ chung: bà và ông N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người Tm gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Hoài N và bà Trình Thị T.

- Về án phí: buộc ông Trần Hoài N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Trần Hoài N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà Trình Thị T, đây là vụ án về Hôn nhân và Gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Trình Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn Lạc Sơn 2, xã Cà Ná, huyện Thuận

N, tỉnh Ninh Thuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận N.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 4 năm 2022, bà Trình Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[3]. Về nội dung vụ án: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định ông Trần Hoài N và bà Trình Thị T chung sống với nhau từ năm 1990 cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay ông N xác định không còn tình cảm với bà T và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, do ông N và bà T không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận mối quan hệ giữa ông N và bà T là vợ chồng

[4]. Về con chung: Ông Trần Hoài N và bà Trình Thị T thừa nhận quá trình chung sống có 03 con chung tên Trần Thị Bé H, sinh năm 1992, Trần Thị Bé N, sinh năm 1996 và Trần Hữu Đ, sinh năm 1999, tuy nhiên, do các con đã trưởng thành và có khả năng lao động tự túc nên ông N và bà T không yêu cầu giải quyết là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét..

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: ông Trần Hoài N và bà Trình Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông Trần Hoài N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Hoài N và bà Trình Thị T là vợ chồng.

2. Về án phí: ông Trần Hoài N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông N đã nộp theo Biên lai thu số 0001214 ngày 17/02/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thuận N.

3. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận N;
- Chi cục TDS huyện Thuận N;
- UBND xã Cà Ná (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Khánh Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Hùng

Thiên Anh Kho

Dương Khánh Hưng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi: 09h00', ngày 30 tháng 10 năm 2020

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hương và bà Bá Thị Thu Vân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 331/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2020 về Ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Trung Luật - Sinh năm: 1978; trú tại: Đội 1, Hợp tác xã 4, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Cao Thị Ngọc Phúc - Sinh năm: 1985; trú tại: Thôn 4, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện tại: Thôn Thái Giao, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận – Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được triệu tập hợp, có ý kiến vắng văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Điều luật áp dụng: Căn cứ: khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của ông Trần Trung Luật với bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trung Luật được ly hôn với anh bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Thùy Dương, sinh ngày 22-5-2004 cho ông Trần Trung Luật trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (Cháu Dương đang ở cùng ông Luật). Bà Cao Thị Ngọc Phúc không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Luật không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về án phí: Ông Trần Trung Luật phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Tòa án ông Luật đã nộp theo Biên lai tu tiền số 0006067 ngày 10-6-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09h30' ngày 30 tháng 10 năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ông Tuấn trình bày trong thời gian chung sống ông và bà Du có mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017, trong thời gian không chung sống không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống.

